

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
QUÂN KHU 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 20-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 3**

- Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Nguyễn Văn Hào;

Các Hội thẩm quân nhân: 2// Phạm Văn Quân;

1// Trần Ngọc Duẩn.

- Thư ký phiên tòa: 2/ Đỗ Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án quân sự Quân khu 3.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 3 tham gia phiên tòa: 2// Lê Minh Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại Phòng xử án, Tòa án quân sự Quân khu 3 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2020/TLST-HS ngày 18/12/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HS ngày 07/01/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T; sinh ngày: 02/01/1982 tại Quảng Ninh; nơi thường trú: Tổ 12B, khu 8, phường BS, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ Công ty Cổ phần than VD; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Hữu T1 và bà Lê Thị B; có vợ là Nguyễn Thị S và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/9/2015, bị Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 3 tuyên phạt 24 tháng tù về tội “Mua dâm người chưa thành niên”, được đặc xá ngày 01/12/2016 (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 02/9/2020, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 08/9/2020 đến nay (tạm giam tại Trại tạm giam Quân khu 3); có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thành C:

+ Ông Nguyễn Ngọc Đ; sinh năm 1942; nơi cư trú: ĐX 2, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Ninh; là bố đẻ của bị hại.

+ Chị Hoàng Thị Quỳnh Tr; sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 26, khu NS, phường NK, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; là vợ của bị hại.

(Bị hại Nguyễn Thành C, sinh năm 1985, cấp bậc: 4/, chức vụ: c t, đơn vị: c12, d41, Lư134 Binh chủng TT, chết ngày 01/9/2020).

Ông Đ và chị Tr ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 16/11/1978; nơi cư trú: 121C, Tổ 1, khu 1, phường TS, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thị S; có mặt.
2. Nguyễn Thị A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị S kết hôn với nhau từ năm 2006. Khoảng tháng 6/2020, do nghi ngờ chị S ngoại tình nên ngày 03/8/2020, T đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình vào xe mô tô chị S thường xuyên sử dụng, nhãn hiệu Honda Air Blade BKS: 29E1-049.48, đồng thời cài đặt phần mềm VNTRACK vào điện thoại Redmi Note 9S của mình để theo dõi.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01/9/2020, T đi xe mô tô Honda Wave BKS: 14F9 - 0836 từ Công ty Cổ phần than VD về nhà. Do không thấy chị S ở nhà, T kiểm tra thấy vị trí xe mô tô của chị S đang ở khu vực đường TN, phường T2, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Theo định vị, T đi xe mô tô đến nhà nghỉ Dũng A ở Tổ 38, khu 6, phường T2, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Khoảng 17 giờ 40 phút cùng ngày, T đi vào trong nhà nghỉ thấy xe mô tô Honda Air Blade BKS: 29E1-049.48 đang ở lán để xe. T nghi ngờ chị S đang ở trong nhà nghỉ nên đã giả thuê phòng nghỉ. Sau khi thuê phòng, T đi thẳng lên tầng 2, thấy phòng 202, phòng 203 đóng cửa, T đến phòng 203 mở cửa xem có chị S không nhưng không mở được. T liền dùng chân phải đạp vào cửa kính phòng 203 làm vỡ ô cửa kính, thấy người phụ nữ trong phòng không phải vợ mình nên T đi sang phòng 202 dùng chân phải đạp cửa phòng bật ra thì thấy Nguyễn Thành C và chị S đang quan hệ tình dục. Thấy vậy, T đi sát vào đuôi giường chỉ tay phải về phía chị S và C, nói: “Đ.mẹ chúng mày làm gì thế này”, chị S liền đẩy C ra và nói: “Em sai rồi, em xin anh”. T đến gần dùng tay nắm, đánh C nhưng được chị S đứng giữa can ngăn. Sau đó, T dùng tay phải lấy chùm chìa khóa đang đeo ở đĩa quần bên phải, trong chùm chìa khóa có một con dao gấp bằng kim loại màu trắng bạc, chiều dài thân dao khi mở lưỡi khoảng 13 cm, lưỡi dao dài khoảng 06 cm, một đầu nhọn, một lưỡi sắc, sống dao dày khoảng 0,1 cm. T dùng tay trái mở lưỡi dao, tay phải cầm chùm chìa khóa và cán dao, lưỡi dao hướng về lòng bàn tay, sống dao hướng về hộ khẩu tay. Chị S vẫn dùng hai tay đẩy vào người T, T dùng dao rạch hai nhát vào mặt bên trái của C, hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải rồi vòng qua vai bên trái của chị S để đâm vào vùng bộ hạ của C nhưng bị C chống đỡ nên không trúng. Chị S thấy vậy dùng tay trái túm vào con dao, T giật dao ra khỏi tay chị S. Khi chị S và C đứng đối diện với T, chị S đứng giữa, C đứng phía sau chị S, T tiếp tục dùng tay phải cầm dao vòng qua vai trái của chị S, tay ngang tầm vai, đâm nhiều nhát vào vùng ngực C hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải

nhưng có một nhát trúng làm đứt sụn sườn số 5, 6 bên trái và xuyên thấu tim. Thấy C lùi lại phía sau, ngồi quỳ xuống bên mép giường bên trái, mặt và ngực úp xuống giường, tay trái ôm lên ngực, T không đâm C nữa. T nói với chị S: “Đ. mẹ mày, tao sống với gia đình mày thế nào mà mày đối xử với tao thế này” rồi dùng tay trái đẩy vào trán và dùng tay phải tát vào má bên trái của chị S một cái; chị S nói: “Em xin anh, anh để em đưa người ta đi cấp cứu”.

Ngay sau đó, T rời khỏi hiện trường đến nhà nghỉ H tại số 88, tổ 11, khu 2, phường T2, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh và gọi điện cho em trai là Nguyễn Hữu L nhờ đem cho T 02 bộ quần áo. Khi gặp L, T bảo L đến nhà anh Dương Đăng T3 để thay quần áo và kê lại cho L sự việc trên. Thay quần áo xong, T để bộ quần áo đã mặc cùng chùm chìa khóa và con dao trên vào trong cốp xe mô tô của L rồi bỏ trốn. Đến 00 giờ 30 phút ngày 02/9/2020, T ra Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngay sau khi sự việc xảy ra, C và chị S được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện V-T nhưng do vết thương thấu tim nên C đã chết trước khi đến bệnh viện. Chị S bị thương, tổn hại sức khỏe 03 % nhưng có đơn không yêu cầu khởi tố T về hành vi gây thương tích cho chị S cũng như không yêu cầu T bồi thường cho mình.

Bị cáo Nguyễn Hữu T khai nhận với nội dung: Khoảng tháng 6/2020, do nghi ngờ chị S ngoại tình nên ngày 03/8/2020, T đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình vào xe mô tô Honda Air Blade BKS: 29E1-049.48 chị S thường xuyên sử dụng, đồng thời cài đặt phần mềm VNTRACK vào điện thoại của mình để theo dõi. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01/9/2020, T đi xe mô tô từ Công ty Cổ phần than VD về nhà. Do không thấy chị S ở nhà, T kiểm tra thấy vị trí xe mô tô của chị S đang ở khu vực đường TN, phường T2, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Theo định vị, T đi xe mô tô đến nhà nghỉ Dũng A ở phường T2, thành phố U. Khoảng 17 giờ 40 phút cùng ngày, T đi vào trong nhà nghỉ thấy xe mô tô Honda Air Blade BKS: 29E1-049.48 đang ở lán để xe. T nghi ngờ chị S đang ở trong nhà nghỉ nên đã giả thuê phòng nghỉ. T đi thẳng lên tầng 2, thấy phòng 202, phòng 203 đóng cửa, T đến phòng 203 mở cửa xem có chị S không nhưng không mở được. T liền dùng chân phải đạp vào cửa kính phòng 203 làm vỡ ô cửa kính, thấy người phụ nữ trong phòng không phải vợ mình nên T đi sang phòng 202 dùng chân phải đạp cửa phòng bật ra thì thấy C và chị S đang quan hệ tình dục. Thấy vậy, T đi sát vào đuôi giường chỉ tay phải về phía chị S và C, nói: “Đ. mẹ chúng mày làm gì thế này”, chị S liền đẩy C ra và nói: “Em sai rồi, em xin anh”. T đến gần dùng tay nắm, đánh C nhưng được chị S đứng giữa can ngăn. Sau đó, T dùng tay phải lấy chùm chìa khóa đang đeo ở đĩa quần bên phải, trong chùm chìa khóa có một con dao gấp bằng kim loại màu trắng bạc, chiều dài thân dao khi mở lưỡi khoảng 13 cm, lưỡi dao dài khoảng 06 cm, một đầu nhọn, một lưỡi sắc, sống dao dày khoảng 0,1 cm. T dùng tay trái mở lưỡi dao, tay phải cầm chùm chìa khóa và cán dao. Chị S vẫn dùng hai tay đẩy vào người T, T dùng dao rạch hai nhát vào mặt bên trái của C rồi vòng qua vai bên trái của chị S để đâm vào vùng bộ hạ của

C nhưng bị C chống đỡ nên không trúng. Chị S thấy vậy dùng tay trái túm vào con dao, T giật dao ra khỏi tay chị S. Khi chị S và C đứng đối diện với T, chị S đứng giữa, C đứng phía sau chị S, T tiếp tục dùng tay phải cầm dao vòng qua vai trái của chị S, tay ngang tầm vai, đâm nhiều nhát vào vùng ngực C hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải. Thấy C lùi lại phía sau, ngồi quỳ úp mặt xuống giường, tay ôm ngực, T không đâm C nữa. T nói với chị S: “Đ. mẹ mày, tao sống với gia đình mày thế nào mà mày đối xử với tao thế này” rồi dùng tay trái đẩy vào trán và dùng tay phải tát vào má bên trái của chị S một cái; chị S nói: “Em xin anh, anh để em đưa người ta đi cấp cứu”. Ngay sau đó, T rời khỏi hiện trường để bỏ trốn. Đến 00 giờ 30 phút ngày 02/9/2020, T ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Lời khai của những người làm chứng Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị A, Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, Biên bản khám nghiệm tử thi có nội dung phù hợp với lời khai của bị cáo T cũng như diễn biến vụ án.

Kết luận giám định pháp y về tử thi số 133/TT ngày 07/9/2020 Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ninh đối với tử thi Nguyễn Thành C đã kết luận: Nguyên nhân tử vong là do sốc mất máu tối cấp do vết thương ngực trái thấu tim.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKSQK3 ngày 17/12/2020 của Viện kiểm sát quân sự Quân khu 3 truy tố Nguyễn Hữu T về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị:

- Về hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 07 năm đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 02/9/2020). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận việc tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo (gia đình bồi thường thay cho bị cáo) với gia đình bị hại Nguyễn Thành C với số tiền 160.000.000 đồng, đã bồi thường được 135.000.000 đồng (theo biên bản các ngày 04/10/2020 và 06/12/2020), còn phải bồi thường tiếp 25.000.000 đồng (thời hạn ngày 30/8/2021). Chị Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị A không yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tài sản do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên không giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

- + Cơ quan tiến hành tố tụng đã trả lại một số tiền, tài sản cho các chủ sở hữu, quản lý hợp pháp theo đúng quy định pháp luật nên không đặt ra việc xử lý vật chứng.

- + Đối với con dao T dùng để gây án: Trên đường điều khiển xe mô tô đi về nhà, Nguyễn Hữu L (em trai T) đã vứt con dao về phía suối. Cơ quan Điều tra hình sự Bình chủng TT đã nhiều lần truy tìm vật chứng nhưng không thấy con dao trên nên không đặt ra việc xử lý vật chứng.

+ Đối với xe mô tô Honda Air Blade BKS: 29E1-049.48: Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên là vật chứng trong vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra tháng 9/2011 tại huyện M, thành phố Hà Nội nên Cơ quan Điều tra hình sự Bình chủng TT đã chuyển tin báo về tội phạm, kèm theo tài liệu có liên quan cho cơ quan có thẩm quyền.

+ Đối với các vật chứng, tài sản đang thu giữ: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tịch thu và tiêu hủy các vật chứng, tài sản không có giá trị hoặc không sử dụng được: 08ml máu tử thi, 03 tấm bông dịch vùng dương vật, 02 mẫu máu nâu tại vị trí số 4 và 5, 02 chiếc dép màu trắng, 02 chiếc dép da, 01 đôi giày, 01 áo cộc, 01 quần soóc, 01 áo dài, 02 cúc áo màu bạc, 01 đoạn kim loại kích thước (3 x 0,3 x 0,1) cm, 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh, chấm đen, 02 quần sịp màu đen, xám, 01 quần dài màu xanh xám, 01 vật vỏ bằng nhựa, màu đen, trên vỏ có dán nhãn màu trắng, có ghi GPS TRAKER, IMEI: 3551390805545592 được gắn dây điện màu đỏ đen (đã niêm phong).

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo 01 chùm chìa khóa gồm 11 chiếc.

(Đặc điểm các vật chứng, tài sản theo các biên bản ngày 02/9/2020 và 16/9/2020).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình dùng dao đâm anh C, bị cáo T đã làm chị S bị thương ở lòng bàn tay với tỷ lệ tổn hại sức khỏe là 3 %, có dấu hiệu của tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS nhưng chị S có đơn không yêu cầu khởi tố nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với T về hành vi trên. Đối với Nguyễn Hữu L, sinh năm 1984, cư trú tại Tổ 12B, phường BS, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, mặc dù biết T đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng đã vứt bỏ con dao do T sử dụng để đâm C và bộ quần áo T mặc khi gây án. Do L là em trai ruột của T, sau khi nhận thức được việc làm của mình đã tích cực phối hợp với cơ quan chức năng vận động T ra đầu thú cũng như truy tìm vật chứng. Do vậy, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với L về hành vi trên.

Tranh luận tại phiên tòa, bị cáo nhất trí lời luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Trong lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn hối hận, xin lỗi gia đình bị hại, đề nghị HĐXX khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận phù hợp với diễn biến của vụ án như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người làm chứng, các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, công bố tại phiên tòa.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại có căn cứ, cơ sở để chấp nhận.

[4] HĐXX có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 01/9/2020, Nguyễn Hữu T phát hiện thấy vợ mình là chị Nguyễn Thị S và Nguyễn Thành C đang quan hệ tình dục trong phòng 202 nhà nghỉ Dũng A, T đã dùng tay đâm vào mặt và dùng dao rạch, đâm C nhiều nhát, trong đó có một nhát trúng ngực trái, làm đứt sụn sườn số 5, 6 bên trái và xuyên thấu tim làm C chết do sốc mất máu tối cấp. Như vậy, bị cáo Nguyễn Hữu T đã phạm tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 123 của BLHS.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại (bị cáo tác động gia đình thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại); người phạm tội đầu thú theo các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo không có tiền án, tiền sự; không bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích (coi như chưa bị kết án); hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, hai con còn nhỏ; đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tội phạm mà bị cáo phạm phải là tội phạm rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền được sống của bị hại là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Khi quyết định hình phạt, HĐXX căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả của vụ án do bị cáo gây ra đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Xét thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận việc tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo (gia đình bồi thường thay cho bị cáo) với gia đình bị hại Nguyễn Thành C với số tiền 160.000.000 đồng, đã bồi thường được 135.000.000 đồng (theo biên bản các ngày 04/10/2020 và 06/12/2020), còn phải bồi thường tiếp 25.000.000 đồng (thời hạn ngày 30/8/2021).

Bị cáo còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự (BLDS).

[8] Về xử lý vật chứng: - Xét thấy, các chủ sở hữu và quản lý hợp pháp các vật chứng, tài sản không nhận lại cũng như các vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được; căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS; tịch thu và tiêu hủy: 08ml máu tử thi, 03 tấm bông dịch vùng dương vật, 02 mẫu máu nâu tại vị trí số 4 và 5, 02 chiếc dép màu trắng, 02 chiếc dép da, 01 đôi giày, 01 áo cộc, 01 quần soóc, 01 áo dài, 02 cúc áo màu bạc, 01 đoạn kim loại kích thước (3 x 0,3 x 0,1) cm, 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh, chấm đen, 02 quần sịp màu đen, xám, 01 quần dài màu xanh xám, 01 vật vỏ bằng nhựa, màu đen, trên vỏ có dán nhãn màu trắng, có ghi GPS TRAKER, IMEI: 3551390805545592 được gắn dây điện màu đỏ đen (đã niêm phong). Đặc điểm các vật chứng, tài sản theo các biên bản ngày 02/9/2020 và ngày 16/9/2020.

- Đối với 01 chùm chìa khóa gồm 11 chiếc là tài sản của bị cáo nên trả lại cho bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- Đối với các vật chứng, tài sản đã được xử lý, truy tìm không có kết quả trong giai đoạn điều tra theo đúng quy định pháp luật nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và: $(25.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) \times 50\% = 625.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Giết người”. Áp dụng khoản 2 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 02/9/2020).

2. Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận việc tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo với gia đình bị hại Nguyễn Thành C với số tiền 160.000.000 đồng, đã bồi thường được 135.000.000 đồng (theo biên bản các ngày 04/10/2020 và 06/12/2020), còn phải bồi thường tiếp 25.000.000 đồng (thời hạn ngày 30/8/2021).

Áp dụng Điều 357 của BLDS, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được bồi thường; từ ngày 31/8/2021 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền trên, bị cáo còn phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 468 của BLDS.

3. Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu và tiêu hủy: 08ml máu tử thi, 03 tấm bông dịch vùng dương vật, 02 mẫu máu nâu tại vị trí số 4 và 5, 02 chiếc dép màu trắng, 02 chiếc dép da, 01 đôi giày, 01 áo cộc, 01 quần soóc, 01 áo dài, 02 cúc áo màu bạc, 01 đoạn kim loại kích thước (3 x 0,3 x 0,1) cm, 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh, chấm đen, 02 quần sịp màu đen, xám, 01 quần dài màu xanh xám, 01 vật vỏ bằng nhựa, màu đen, trên vỏ có dán nhãn màu trắng, có ghi GPS TRAKER, IMEI: 3551390805545592 được gắn dây điện màu đỏ đen (đã niêm phong).

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo 01 chùm chìa khóa gồm 11 chiếc các loại.

(Đặc điểm các vật chứng, tài sản theo các biên bản ngày 02/9/2020 và ngày 16/9/2020).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/01/2021) đối với bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Trung ương./.

Nơi nhận:

- VKSQSQK3;
- CQĐTHS BC.TTLL;
- Bị cáo; đại diện bị hại;
- P. ĐTHSQK3;
- Trại tạm giam Qk3;
- P.THAQK3;
- Hồ sơ vụ án;
- TAQSTW (02);
- Lưu: Hồ sơ THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

3// Nguyễn Văn Hào